

BIỂU 01: TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của HĐND xã Diêm He)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bổ tri kế hoạch vốn năm 2025 (tất cả các nguồn vốn)	Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (S26/QĐ-UBND)		Điều chỉnh (tăng +; giảm -)		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 sau điều chỉnh			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn huy động lồng ghép (thu sử dụng đất, tăng thu và các nguồn vốn hợp pháp khác...)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương	Kỳ kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (S26/QĐ-UBND)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn huy động lồng ghép (thu sử dụng đất, tăng thu và các nguồn vốn hợp pháp khác...)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó: NSDP															
	TỔNG CỘNG											1.785	1.785	-	-	45.338	9.600	35.738	1.785	1.785		
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ					46.422	9.944	1.084	44.766	9.600	35.166	1.700	1.700	0	0	45.338	9.600	35.738	1.700	1.700		
I	Đường giao thông					18.542	2.325	1.084	17.766	2.325	15.441	1.190	1.190	540	-150	17.458	2.865	14.593	1.040	1.040		
a	Công trình chuyên tiếp					2.350	100	1.084	1.266	100	1.166	440	440	340	0	1.266	440	826	440	440		
	Nâng cấp mặt đường BTXM Hạng Ca – Khum Luông, thôn Bàn Nhang xã Diêm He	thôn Bàn Nhang xã Diêm He		2025-2026	QĐ số 382 /QĐ-UBND ngày 11/11/2025	2.350	100	1.084	1.266	100	1.166	440	440	340	0	1.266	440	826	440	440	Phòng Kinh tế	Đang thi công
b	Công trình khởi công mới					16.192	2.225	-	16.500	2.225	14.275	750	750	200	-150	16.192	2.425	13.767	600	600		
1	Đường Cốc Chú, thôn Khau Ngòa, xã Diêm He, tỉnh Lạng Sơn	thôn Khau Ngòa		2026	QĐ số 276/QĐ-UBND ngày 12/5/2026	2.192	200		2.500	200	2.300	750	750	350	-200	2.192	550	1.642	550	550	Phòng Kinh tế	Lựa chọn nhà thầu thi công
2	Cải tạo, nâng cấp Đường trục xã T1 232 - Trường TH và THCS Liên Hội	Xã Diêm He		2026		2.500	200		2.500	200	2.300	-	-	-150	50	2.500	50	2.450	50	50	Phòng Kinh tế	đang thực hiện bước CBDT
3	Mở mới đường Phai Cai đầu nối với đường Nà Bung - Phú Nhuận xã Diêm He	Xã Diêm He	0,6km	2027		4.000	300		4.000	300	3.700					4.000	300	3.700	-	-	Phòng Kinh tế	
4	Mở mới đường Cốc sấu - Nà Me thôn Bàn Héo xã Diêm He	Xã Diêm He	1,5km	2028-2030		7.500	1.525		7.500	1.525	5.975					7.500	1.525	5.975	-	-	Phòng Kinh tế	
II	Giáo dục và đào tạo					17.000	1.165	-	17.000	1.165	15.835	-	-	-390	100	17.000	775	16.225	100	100	-	-
a	Công trình khởi công mới					17.000	1.165	-	17.000	1.165	15.835	-	-	-390	100	17.000	775	16.225	100	100	-	-
1	Xây dựng nhà đa năng Trường PTDTBT TH&THCS Liên Hội	Xã Diêm He		2027		4.500	200		4.500	200	4.300					4.500	200	4.300	-	-	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
2	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng Trường PTDTBT TH&THCS Liên Hội	Xã Diêm He	Nhà 02 tầng 4 phòng học	2026		3.000	190		3.000	190	2.810	-	-	-140	50	3.000	50	2.950	50	50	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
3	Xây dựng nhà chức năng tại trường chính trường Mầm Non Liên Hội	Xã Diêm He	01 phòng họp, 01 phòng kho, 01 thư viện, 01 phòng tin học	2027		3.500	200		3.500	200	3.300					3.500	200	3.300	-	-	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
4	Xây dựng các phòng bộ môn Trường Mầm Non 1 Diêm He	Xã Diêm He	Xây mới 02 phòng chức năng (01 phòng thư viện, 01 Phòng đa năng)	2026		3.000	300		3.000	300	2.700	-	-	-250	50	3.000	50	2.950	50	50	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
5	Xây dựng khu hành chính, phòng học và các hạng mục phụ trợ trường TH&THCS Trần Ninh	Xã Diêm He		2027		3.000	275		3.000	275	2.725					3.000	275	2.725	-	-	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
III	Lĩnh vực văn hoá - xã hội					-	-	-	-	-	-					-	-	-				
a	Công trình khởi công mới					-	-	-	-	-	-					-	-	-				
IV	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội					8.000	3.574	-	8.000	4.110	3.890	-	0	-1.030	50	8.000	3.080	4.920	50	50	-	-
a	Công trình khởi công mới					8.000	3.574	-	8.000	4.110	3.890	-	-	-1030	50	8.000	3.080	4.920	50	50	-	-
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND xã Diêm He			2026-2028		5.000	1.264		5.000	1.800	3.200	-	-	-536	50	5.000	1.264	3.736	50	50	Phòng Kinh tế	
2	Cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất trạm Y tế xã Diêm He			2029-2030		3.000	2.310		3.000	2.310	690			-494		3.000	1.816	1.184	-	-	Phòng Kinh tế	
V	Hỗ trợ khác					2.880	2.880	-	2.000	2.000	-	510	510	880	-	2.880	2.880	-	510	510		
1	Hỗ trợ xi măng đường giao thông nông thôn; Xi măng thủy lợi nhỏ	Xã Diêm He		2026		510	510		2.000	2.000	-	510	510	-1.490		510	510	-	510	510	Phòng Kinh tế	

[illegible]

BIỂU 02: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠ

(Kèm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ			
I	Đường giao thông			
a	Công trình chuyển tiếp			
	Nâng cấp mặt đường BTXM Hàng Ca – Khum Luông, thôn Bản Nhang xã Diêm He	thôn Bản Nhang xã Diêm He		2025- 2026
b	Công trình khởi công mới			
1	Đường Cốc Chủ, thôn Khau Ngò, xã Diêm He, tỉnh Lạng Sơn	thôn Khau Ngò		2026
2	Cải tạo, nâng cấp Đường trục xã Tl 232 - Trường TH và THCS Liên Hội	Xã Diêm He		2026

3	Mở mới đường Phai Cải đầu nối với đường Nà Bung - Phú Nhuận xã Diêm He	Xã Diêm He	0,6km	2027
4	Mở mới đường Cốc sâu - Nà Me thôn Bản Hẻo xã Diêm He	Xã Diêm He	1,5km	2028-2030
II	Giáo dục và đào tạo			
a	Công trình khởi công mới			
1	Xây dựng nhà đa năng Trường PTDTBT TH&THCS Liên Hội	Xã Diêm He		2027
2	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng Trường PTDTBT TH&THCS Liên Hội	Xã Diêm He	Nhà 02 tầng 4 phòng học	2026
3	Xây dựng nhà chức năng tại trường chính trường Mầm Non Liên Hội	Xã Diêm He	01 phòng họp, 01 phòng kho, 01 thư viện, 01 phòng tin học	2027
4	Xây dựng các phòng bộ môn Trường Mầm Non 1 Diêm He	Xã Diêm He	Xây mới 02 phòng chức năng (01 phòng thư viện, 01 Phòng đa năng)	2026
5	Xây dựng khu hành chính, phòng học và các hạng mục phụ trợ trường TH&THCS Trần Ninh	Xã Diêm He		2027
III	Lĩnh vực văn hoá - xã hội			
a	Công trình khởi công mới			

IV	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội			
a	Công trình khởi công mới			
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND xã Diêm He			2026-2028
2	Cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất trạm Y tế xã Diêm He			2029-2030
V	Hỗ trợ khác			
1	Hỗ trợ xi măng đường giao thông nông thôn; Xi măng thủy lợi nhỏ	Xã Diêm He		2026
2	Đề án phát triển giao thông nông thôn giải đoạn 2026- 2030	Xã Diêm He		2027-2030

N NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO TIÊU

theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của HĐND

Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí kế hoạch vốn năm 2025 (tất cả các nguồn vốn)	Dự kiến Kế hoạch đầu tư có cấp theo tiêu chí, định n		
Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự			Tổng số		
	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Năm 2026	Năm 2027
	46.730	9.600	1.084	9.600	1.700	1.975
	18.850	2.865	1.084	2.865	1.040	300
	2.350	440	1.084	440	440	-
QĐ số 382 /QĐ-UBND ngày 11/11/2025	2.350	440	1.084	440	440	
	16.500	2.425	-	2.425	600	300
	2.500	550		550	550	
	2.500	50		50	50	

	4.000	300		300		300
	7.500	1.525		1.525		
	17.000	775	-	775	100	675
	17.000	775	-	775	100	675
	4.500	200		200		200
	3.000	50		50	50	
	3.500	200		200		200
	3.000	50		50	50	
	3.000	275		275		275
	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-

	8.000	3.080	-	3.080	50	407
	8.000	3.080	-	3.080	50	407
	5.000	1.264		1.264	50	407
	3.000	1.816		1.816		
	2.880	2.880	-	2.880	510	593
	510	510		510	510	
	2.370	2.370		2.370		593

ƯU CHÍ, ĐỊNH MỨC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

(Xã Diêm He)

Đơn vị: Triệu đồng

Tổng nguồn NSDP theo phân mức giai đoạn 2026-2030			Các nguồn vốn huy động lồng ghép (thu sử dụng đất, tăng thu và các nguồn vốn hợp pháp khác...)	Chủ đầu tư	Ghi chú
Trong đó:					
Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030			
1.975	1.975	1.977	36.046		
575	475	475	14.901		
-	-	-	826		
			826	Phòng Kinh tế	Đang thi công
575	475	475	14.075		
			1.950	Phòng Kinh tế	Lựa chọn nhà thầu thi công
			2.450	Phòng Kinh tế	đang thực hiện bước CBĐT

			3.700	Phòng Kinh tế	
575	475	475	5.975	Phòng Kinh tế	
-	-	-	16.225	-	-
-	-	-	16.225	-	-
			4.300	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
			2.950	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
			3.300	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
			2.950	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
			2.725	Phòng Kinh tế	Xây dựng để đạt chuẩn QG
-	-	-	-		
-	-	-	-		

807	907	909	4.920	-	-
807	907	909	4.920	-	-
807			3.736	Phòng Kinh tế	
	907	909	1.184	Phòng Kinh tế	
593	593	593	-		
			-	Phòng Kinh tế	30% tổng vốn
593	593	593	-	Phòng Kinh tế	30% tổng vốn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG		
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ		
I	Lĩnh vực giao thông		
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2025		
(2)	Dự án chuyển tiếp		
1	Nâng cấp mặt đường BTXM Hàng Ca – Khum Luông, thôn Bản Nhang xã Diêm He	thôn Bản Nhang xã Diêm He	Kho bạc NNKV VI - Phòng Giao dịch số 9
(3)	Dự án khởi công mới 2026		
1	Đường Cốc Chủ, thôn Khau Ngò, xã Diêm He, tỉnh Lạng Sơn	thôn Khau Ngò, xã Diêm He	Kho bạc NNKV VI - Phòng Giao dịch số 9
	Cải tạo, nâng cấp Đường trục xã Tl 232 - Trường TH và THCS Liên Hội	thôn Nà Me, xã Diêm He	Kho bạc NNKV VI - Phòng Giao dịch số 9
II	Giáo dục và đào tạo		
(3)	Dự án khởi công mới 2026		

1	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng Trường PTDTBT TH&THCS Liên Hội		
2	Xây dựng các phòng bộ môn Trường Mầm Non 1 Diêm He		
III	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội		
a	Công trình khởi công mới		
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND xã Diêm He		
II	Hỗ trợ Xi Măng GTNT; Xi măng thủy lợi nhỏ		
1	Hỗ trợ xi măng đường giao thông nông thôn; Xi măng thủy lợi nhỏ	xã Diêm He	Kho bạc NNKV VI - Phòng Giao dịch số 9
B	NGUỒN VỐN THU TỪ SỬ DỤNG ĐẤT		
I	Lĩnh vực giao thông		
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2025		
(2)	Dự án chuyển tiếp		
1	Nâng cấp mặt đường BTXM Hàng Ca – Khum Luông, thôn Bản Nhang xã Diêm He	thôn Bản Nhang xã Diêm He	Kho bạc NNKV VI - Phòng Giao dịch số 9
II	Trích quỹ phát triển đất tỉnh 10%		
III	10% công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận...		

BIỂU 03: GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ*(Kèm theo Nghị quyết :)*

Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		
			Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương
5	6	7	8	9	10
				6.892	-
				4.542	-
				4.542	-
				2.350	-
		2025-2026	QĐ số 382 /QĐ-UBND ngày 11/11/2025	2.350	
				2.192	-
		2026	QĐ số 276/QĐ-UBND ngày 12/5/2026	2.192	
		2026			
				-	-

		2026			
		2026			
		2026			
				-	-
		2026			
				2.350	-
				2.350	-
				2.350	-
		2025-2026	QĐ số 382 /QĐ- UBND ngày 11/11/2025	2.350	

ƯU CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 SAU KHI ĐIỀU C
số /NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của HĐND xã Diêm He)

Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công phương giai đoạn	
Kế hoạch		Ước giải ngân đến 31/01/2026			
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: n
					Tổng số
11	12	13	14	15	16
2.168	2.168	2.168	2.168	3.740	3.740
1.084	1.084	1.084	1.084	2.914	2.914
1.084	1.084	1.084	1.084	1.040	1.040
1.084	1.084	1.084	1.084	440	440
1.084	1.084	1.084	1.084	440	440
-	-	-	-	600	600
				550	550
				50	50
				100	100
-	-	-	-	100	100

				50	50
				50	50
				1.264	1.264
				1.264	1.264
				1.264	1.264
-	-	-	-	510	510
				510	510
1.084	1.084	1.084	1.084	826	826
1.084	1.084	1.084	1.084	826	826
1.084	1.084	1.084	1.084	826	826
1.084	1.084	1.084	1.084	826	826

CHÍNH

trung hạn ngân sách địa 2026-2030		Vốn giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Giao Kế hoạch vốn đầu tư năm 2026 sau điều chỉnh			
ngân sách địa phương			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương		
Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ xây dựng cơ			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ xây dựng
17	18	19	20	21	22	23
-	-	1.084	1.785	1.785	-	-
-	-	1.084	1.700	1.700	-	-
-	-	1.084	1.040	1.040	-	-
-	-	1.084	440	440	-	-
		1.084	440	440		
-	-	-	600	600	-	-
			550	550		
			50	50		
-	-	-	100	100		
-	-	-	100	100	-	-

			50	50		
			50	50		
-	-	-	50	50	-	-
-	-	-	50	50	-	-
			50	50		
-	-	-	510	510	-	-
			510	510		
-	-	-	85	85	-	-
-	-	-	77	77	-	-
-	-	-	77	77	-	-
			77	77		
			8,5	8,5		
			-	-		

Đơn vị: Triệu đồng

Đầu chính	Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương/Chủ đầu tư
Ước lượng		
Chuẩn bị đầu tư *		
24	25	26
-	-	-
-	-	-
-	-	-
-	-	
		phòng Kinh tế
-	-	-
		phòng Kinh tế
-	-	

-	-	-
-	-	-
-	-	
		phòng Kinh tế
-	-	
-	-	
-	-	
		phòng Kinh tế
		Không thực hiện theo NQ số 161/NQ- CP ngày 22/6/2026 của Chính phủ

